

## QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm  
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-BTP ngày 16/02/2024 của Bộ Tư pháp về  
việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp  
pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 286/TTr-STP ngày  
05/3/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong  
lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành  
chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi quản lý của  
Sở Tư pháp (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của Chủ tịch  
UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong  
lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 07 thủ tục hành chính lĩnh vực trợ  
giúp pháp lý đã được công bố tại Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày  
10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành

chính chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp: Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý; thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý; thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý; thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11. ✓



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**



### Phụ lục

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số: 462 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý; - Thành phần hồ sơ.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ

						trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.
2	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý; - Thành phần hồ sơ.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.
3	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.
4	Thủ tục chấm dứt đăng ký	- Căn cứ pháp lý;	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Trung tâm phục vụ	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017

	tham gia trợ giúp pháp lý	- Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ.	hồ sơ hợp lệ.	hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.
5	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý; - Thành phần hồ sơ.	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.
6	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý - Thành phần hồ sơ.	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.
7	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý - Thành phần	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp;

		hồ sơ.	người thực hiện trợ giúp pháp lý.	nước tỉnh		- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.
8	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Căn cứ pháp lý; - Thành phần hồ sơ.	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ Tư pháp.